

Bản án số: 90/2020/HNGĐ-ST

Ngày 25/12/2020

V/v: Xin ly hôn Hòa - C

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Vũ Thị Thúy và bà Lê Thị Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:**  
Ông Phạm Đình Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 292/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 về việc xin ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị H**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn T3, xã C1, huyện Q, tỉnh B.

- Bị đơn: Anh **Phạm Viêt C**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn H, xã T2, huyện T1, tỉnh T.

*(Chị H và anh C đều có đơn xin xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2020 và tại bản tự khai ngày 29/10/2020, nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Viêt C kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện T1, tỉnh T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/02/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, anh C không chú tâm làm ăn và chăm lo cho gia đình nên anh chị đã ly thân, không liên lạc với nhau từ tháng 9 năm 2017 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C không có con chung, hiện nay chị cũng không mang thai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị và anh C không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Vì lý do công việc bận mải nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị tại phiên tòa sơ thẩm.

*Theo bản tự khai đề ngày 30/11/2020, bị đơn – anh Phạm Viêt C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh C xác nhận thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo anh là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm về sinh hoạt và khác biệt quá lớn về cách sống, không có cùng suy nghĩ với nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến đời sống chung không có hạnh phúc. Nay chị H xin ly hôn, anh đồng ý vì anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Anh và chị H không có con chung, do thời gian ly thân lâu nên hiện giờ chị H không mang thai con chung của anh chị nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Vì lý do công việc nên anh xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

*Tại biên bản xác minh ở địa phương, Ủy ban nhân dân xã T2, huyện T1 và đại diện cơ sở thôn cung cấp như sau:*

Anh Phạm Viết C, sinh ngày 20/11/1985 là công dân có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã T2, huyện T1, tỉnh T. Anh C và chị H có tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện T1, tỉnh T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 17/02/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng anh C chị H sinh sống tại nhà vợ ở B, sau đó có chuyển về T2 sinh sống khoảng 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn và chị H đã lại về B sinh sống. Theo thông tin địa phương được biết thì vợ chồng anh C chị H có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, không cùng quan điểm sống, ngoài ra còn nguyên nhân mâu thuẫn nào khác nữa thì địa phương không nắm được, cơ sở thôn đã hòa giải để hàn gắn hôn nhân nhưng chị H đã về nhà bố mẹ đẻ tại B sinh sống. Quan điểm của Ủy ban nhân dân xã T2 về việc chị H xin ly hôn anh C là đề nghị Tòa án hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ, còn trong trường hợp mâu thuẫn đã quá trầm trọng và các bên đương sự kiên quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Theo sổ theo dõi khai sinh tại địa phương thì chị H và anh C không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Hiện nay không có thông tin phản ánh tại địa phương về việc anh C và Hòa có vay nợ tổ chức, cá nhân nào, còn tài sản chung của hai anh chị địa phương không quản lý được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Phạm Viết C; Về quan hệ con chung, nợ chung, tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T2, huyện T1, tỉnh T, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy là cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ án vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, chị Hoàng Thị H và anh Phạm Viết C đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện T1, tỉnh T và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 19 ngày 17/01/2012. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh chị đã ly thân từ tháng 9 năm 2017, từ đó đến nay không quan tâm hỏi han nhau cũng không có biện pháp gì để hàn gắn hôn nhân. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T2 cũng xác định vợ chồng anh C và chị H mâu thuẫn và sống ly thân là có thật. Quá trình giải quyết vụ án, chị H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn anh C cũng đồng ý. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh C đã ở mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H cương quyết xin ly hôn, cần xử cho chị H được ly hôn anh C là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Chị H và anh C đều xác định vợ chồng không có con chung, hiện nay chị H không mang thai con chung nào khác và cả hai đều không đề nghị Tòa án giải quyết về quan hệ con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh C đều xác nhận không có nợ chung và đều không yêu cầu giải quyết về tài sản, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh C có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Phạm Viết C.

**2. Về con chung:** Không đặt ra giải quyết.

**3. Về tài sản chung:** Không đặt ra giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000đ chị H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002430 ngày 29/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí.

**5. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Nơi nhận:*

- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã T2
- Lưu HCTP
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Đào Thị Xuân Quỳnh**